

Số:10/2010/QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 27 tháng 01 năm 2010

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,  
quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và Lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2008/NQ-HĐND ngày 18 tháng 6 năm 2008 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc điều chỉnh, bổ sung một số mức thu phí, lệ phí tại Nghị quyết số 83/2006/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc quyết định danh mục và mức thu phí, lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2009/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc quyết định danh mục và mức thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Đối tượng áp dụng**

**1. Đơn vị thu lệ phí**

a) Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thu lệ phí đối với người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất là tổ chức trong nước, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư;

b) Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường thu lệ phí đối với người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất là hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam.

## 2. Đối tượng nộp lệ phí

Các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trong và ngoài nước yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

### Điều 2. Danh mục và mức thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

STT	Danh mục	Mức thu
I	<b>Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, không có tài sản gắn liền với đất</b>	<b>đồng/giấy</b>
	Tổ chức	100.000
	Hộ gia đình, cá nhân khu vực các quận	25.000
II	<b>Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hoặc Giấy chứng nhận chỉ có tài sản gắn liền với đất</b>	<b>đồng/giấy</b>
	1 Đối với tổ chức	
	- Diện tích dưới 500 m <sup>2</sup>	300.000
	- Diện tích từ 500 m <sup>2</sup> đến dưới 1.000 m <sup>2</sup>	400.000
	- Diện tích từ 1.000 m <sup>2</sup> trở lên	500.000
2	Đối với hộ gia đình, cá nhân	
	- Diện tích dưới 100 m <sup>2</sup>	60.000
	- Diện tích từ 100 m <sup>2</sup> đến dưới 200 m <sup>2</sup>	80.000
	- Diện tích từ 200 m <sup>2</sup> trở lên	100.000
III	<b>Cấp lại, cấp đổi, xác nhận thay đổi (chứng nhận) trên Giấy chứng nhận đã cấp</b>	<b>đồng/lần</b>
	1 <b>Đối với quyền sử dụng đất</b>	
a	Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai	
	Tổ chức	20.000
	Hộ gia đình, cá nhân khu vực các quận	15.000
	Hộ gia đình, cá nhân khu vực các huyện	7.500
b	Cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận không có tài sản gắn liền với đất (kể cả trường hợp bị ố, nhòe, rách, hư hỏng hoặc đo lại)	
	Tổ chức	20.000
	Hộ gia đình, cá nhân khu vực các quận	20.000
	Hộ gia đình, cá nhân khu vực các huyện	10.000
2	<b>Đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hoặc chỉ có tài sản gắn liền với đất (đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân)</b>	
a	Xác nhận thay đổi trên giấy chứng nhận	50.000
b	Cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận (kể cả trường hợp bị ố, nhòe, rách, hư hỏng hoặc đo lại)	50.000

STT	Danh mục	Mức thu
<b>IV</b>	<b>Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b>	<b>đồng/lần</b>
	Tổ chức	20.000
	Hộ gia đình, cá nhân khu vực các quận	10.000
	Hộ gia đình, cá nhân khu vực các huyện	5.000

Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành mà có nhu cầu cấp đổi Giấy chứng nhận.

**Điều 3. Tổ chức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

Lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định tại Quyết định này là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, được quản lý và sử dụng như sau:

- Cấp thành phố: cơ quan thu lệ phí được trích 70% (bảy mươi phần trăm) trên tổng số tiền lệ phí thu được để trang trải chi phí cho việc thực hiện thu lệ phí theo chế độ quy định, số còn lại 30% (ba mươi phần trăm) nộp vào ngân sách nhà nước theo chương, loại, khoản, mục, tiểu mục tương ứng.

- Cấp huyện: cơ quan thu lệ phí được trích 90% (chín mươi phần trăm) trên tổng số tiền lệ phí thu được để trang trải chi phí cho việc thực hiện thu lệ phí theo chế độ quy định, số còn lại 10% (mười phần trăm) nộp vào ngân sách nhà nước theo chương, loại, khoản, mục, tiểu mục tương ứng.

Toàn bộ số tiền lệ phí được trích theo quy định trên đây, cơ quan thu lệ phí phải sử dụng đúng mục đích, có chứng từ hợp pháp và thực hiện quyết toán theo quy định; nếu sử dụng không hết trong năm thì được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

**Điều 4.** Cơ quan thu lệ phí có trách nhiệm đăng ký, kê khai, thu, nộp, quyết toán lệ phí thu được nêu trên đúng theo quy định tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC; Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính về hướng dẫn về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Quyết định số 25/2007/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc ban hành quy định quản lý thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Cần Thơ, các quy định theo Quyết định này và các văn bản khác có liên quan theo quy định hiện hành.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày và đăng báo Cần Thơ chậm nhất là 05 ngày, kể từ ngày ký.

Bãi bỏ Quyết định số 16/2008/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về lệ phí địa chính; Quyết định số 82/2008/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1, Điều 2 Quyết định số 16/2008/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về lệ phí địa chính; Quyết định số 04/2009/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu công trình xây dựng.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc sở, Thủ trưởng các cơ quan ban ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, xã, phường, thị trấn và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH  
Trần Thanh Mẫn**